

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 164/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1979, ông C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà B, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt đề ngày 17/02/2021); bà E. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn D kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2020, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà B và là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông C, trình bày: Ngày 21/12/2016 (âm lịch), bà có cho ông D vay số tiền 30.000.000 đồng. Việc vay tiền không làm biên nhận vì giữa bà và ông D cũng thường xuyên giao dịch vay tiền qua lại nên tin tưởng nhau. Bà B là người giao tiền trực tiếp cho ông D tại nhà bà B, không có mặt bà E. Qua ngày hôm sau bà có qua nhà ông D, bà E để yêu cầu trả tiền thì bà E nói ông D đã bỏ đi. Sau đó bà có gửi đơn yêu cầu Đảng ủy xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu giải quyết và ngày 22/02/2018, Đảng ủy xã H có mời bà E, ông D lên làm việc thì ông D thừa nhận còn nợ bà số tiền vốn là 30.000.000 đồng; hai bên thống nhất lãi suất 5%/ tháng, tính đến ngày hòa giải là 18.200.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu 15.000.000 đồng, chốt lãi tại đây,

không yêu cầu lãi phát sinh từ sau ngày 22/02/2018. Bà B xác định đây là tiền bà đi hỏi vay dùm cho ông D, bà E, khi bà vay thì ông D, bà E cũng biết bà hỏi vay với lãi suất 5%. Sau khi làm việc tại Đảng ủy xã (ngày 22/02/2018) đến nay vợ chồng bà E, ông D đã thanh toán cho bà số tiền lãi là 11.500.000 đồng, chưa thanh toán vốn. Việc thanh toán tiền lãi không có làm biên nhận.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà yêu cầu ông D, bà E thanh toán cho bà số tiền vốn là 30.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi từ khi vay ngày 21/12/2016 (âm lịch) đến khi xét xử ngày 26/5/2021. Số tiền 11.500.000 đồng mà ông D đã thanh toán cho bà thì bà yêu cầu trừ vào số tiền ông D, bà E có nghĩa vụ thanh toán cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2021, đồng bị đơn ông ông D, trình bày: Ngày 21/12/2016 (âm lịch), ông có nhờ bà B hỏi vay dùm ông số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, ông dự định vay trong thời gian ngắn sẽ thanh toán lại cho bà B vì từ trước hai bên cũng thường giao dịch vay tiền để đáo hạn ngân hàng nhưng sau khi nhận tiền từ bà B, ông cho người khác mượn thì họ không thanh toán cho ông nên ông không có khả năng thanh toán lại cho bà B. Việc vay tiền không làm biên nhận. Bà B là người trực tiếp giao tiền cho ông, giao tại quán cà phê. Việc ông vay tiền của bà B thì vợ ông là bà E hoàn toàn không biết và ông cũng không đem tiền về nhà đưa cho bà E. Sau khi vay tiền, ông không có khả năng thanh toán. Đến ngày 22/02/2018, Đảng ủy xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu có mời ông và bà B lên làm việc, tại buổi làm việc hai bên thống nhất số tiền vốn ông thiếu bà B là 30.000.000 đồng. Còn việc biên bản có thể hiện tiền lãi là 15.000.000 đồng thì ông không nhớ. Ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền vốn, không có khả năng thanh toán lãi. Ông đã thanh toán nhiều lần cho bà B được số tiền 16.000.000 đồng. Ông yêu cầu trừ vào số tiền vốn ông còn thiếu thì hiện nay ông chỉ còn nợ bà B số tiền vốn là 14.000.000 đồng. Ông không đồng ý thanh toán lãi.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng mời bà E đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng bà E không đến Tòa án do đó không ghi nhận được ý kiến của bà E đối với yêu cầu D kiện của bà B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông D đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bà E chưa thực

hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu D kiện của bà B, ông C đối với ông D, bà E về việc yêu cầu ông D, bà E có nghĩa vụ thanh toán số tiền **vốn là 30.000.000 đồng, tiền lãi từ khi vay ngày 21/12/2016** (âm lịch) đến ngày 22/02/2018 (dương lịch) theo lãi suất 20%/năm, không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ sau ngày 22/02/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử ngày 26/5/2021 do vượt quá yêu cầu D kiện ban đầu. Buộc ông D, bà E có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lon, bà B số tiền vốn là 30.000.000 đồng, lãi theo quy định là 20%/năm từ ngày 21/12/2016 (âm lịch) đến ngày 22/02/2018 (dương lịch), đối trừ số tiền ông D đã thanh toán cho bà B là 11.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông C, bà B yêu cầu ông D, bà E thanh toán nợ vay. Hiện nay, ông D, bà E cư trú tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông C ủy quyền tham gia tố tụng cho bà B, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt, bà E đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu D kiện của bà B, ông C đối với ông D, bà E về tranh chấp đòi nợ vay. Để chứng minh cho yêu cầu D kiện của mình bà B cung cấp Biên bản về việc làm việc đồng chí B và đồng chí D ngày 22/02/2018, tại buổi làm việc ở Đảng ủy xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, ông D thừa nhận có vay của bà B số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên ông D không đồng ý thanh toán số tiền lãi và không thừa nhận số tiền lãi 15.000.000 đồng như Biên bản làm việc của Đảng ủy xã Vĩnh Hưng. Ông D xác định đã thanh toán cho bà B nhiều lần được số tiền 16.000.000 đồng và yêu cầu đối trừ vào số tiền vốn mà ông D nợ bà B là 30.000.000 đồng thì ông D chỉ còn nợ bà B số tiền 14.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền này. Việc ông D cho rằng đã thanh toán cho bà B nhiều lần được số tiền 16.000.000 đồng nhưng không có cơ sở chứng minh; đồng thời bà B chỉ thừa nhận ông D thanh toán tiền lãi cho bà nhiều lần được số tiền 11.500.000 đồng. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông D về việc đã thanh toán cho bà B số tiền 16.000.000 đồng mà chỉ có căn cứ chấp nhận ông D đã thanh toán tiền lãi cho bà B số tiền 11.500.000 đồng. Ông D cho rằng việc ông vay tiền bà E không biết và ông cũng không đem tiền về nhà nhưng tại thời điểm vay tiền ông và bà E là vợ chồng và hiện nay ông D và bà E vẫn còn chung sống với nhau

do đó đây được xem là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên ông D và bà E phải cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ.

Tại thời điểm vay tiền, bà B và ông D đều thừa nhận thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự về lãi suất là 20%/năm. Tại đơn D kiện, biên bản làm việc đảng ủy xã, biên bản lấy lời khai yêu cầu tính lãi từ ngày 21/12/2016 (âm lịch) đến ngày hòa giải ở Đảng ủy xã H là ngày 22/02/2018. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay là ngày 21/12/2016 (âm lịch) cho đến khi xét xử ngày 26/5/2021. Tuy nhiên, yêu cầu tính lãi của bà đã vượt quá yêu cầu D kiện ban đầu, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21/12/2016 (âm lịch) đến ngày 22/02/2018.

Lãi suất được tính như sau: 21/12/2016 (âm lịch) = ngày 17/01/2017 (dương lịch), tính đến ngày 22/02/2018 (dương lịch) là 13 tháng 05 ngày, lãi suất 20%/năm: 13 tháng 5 ngày x 30.000.000 đồng x (20%/12 tháng = 1,67%/tháng) = 6.596.500 đồng.

Số tiền vốn và lãi ông D và bà E phải thanh toán cho bà B, ông Lon là 30.000.000 đồng + 6.596.500 đồng = 36.596.500 đồng.

Bà B thừa nhận ông D đã thanh toán tiền lãi cho bà số tiền 11.500.000 đồng. Do số tiền lãi mà bà B và ông D thỏa thuận và tiền lãi mà ông D đã trả cho bà B vượt quá lãi suất quy định nên số tiền lãi đó được đối trừ vào số tiền lãi và vốn mà ông D, bà E có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, ông C là 36.596.500 đồng – 11.500.000 đồng = 25.096.500 đồng. Do tại đơn D kiện bà B không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 22/02/2018 đến khi kết thúc vụ án và trong giai đoạn chậm thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông D và bà E phải chịu đối với số tiền có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, ông C là 25.096.500 đồng x 5% = 1.254.825 đồng.

Bà B, ông C phải chịu án phí của phần yêu cầu không được chấp nhận là (33.500.000 đồng – 25.096.500 đồng) x 5% = 420.175 đồng.

Bà B, ông C (do bà B đại diện nộp) đã nộp tạm ứng án phí 837.500 (Tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008287 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí. Bà B, ông C được nhận lại số tiền chênh lệch là 417.325 đồng.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà B đối với ông D, bà E về tranh chấp đòi nợ vay tài sản.

2. Buộc ông D, bà E có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà B số tiền 25.096.500 (Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

Ông D, bà E không phải chịu lãi suất từ sau ngày 22/02/2018 đến khi thanh toán hết nợ kể cả trong giai đoạn thi hành án do bà B, ông C không yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà B, ông C buộc ông D, bà E thanh toán số tiền lãi từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/5/2021 theo lãi suất pháp luật quy định.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông D và bà E phải chịu 1.254.825 (Một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Bà B, ông C phải chịu 420.175 (Bốn trăm hai mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng. Bà B, ông C (do bà B đại diện nộp) đã nộp tạm ứng án phí 837.500 (Tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008287 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí. Bà B, ông C được nhận lại số tiền chênh lệch là 417.325 (Bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**